**SO SÁNH ĐIỂM GIỐNG NHAU VÀ KHÁC NHAU GIỮA THÔNG TƯ SỐ 133/2016/TT-BTC VÀ QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC**

 **Nguyễn Thị Kim Hương**

Ngày 28/6/2016 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 133/2016/TT-BTC để hướng dẫn chế độ ghi chép kế toán cho các DN vừa và nhỏ thay thế quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Thông tư này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2017. Văn bản luật này không phủ định tất cả các nội dung của chế độ kế toán cũ mà chỉ điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dụng. Vì vậy giữa 2 chế độ kế toán này vẫn có điểm giống nhau và có nhiều điểm khác nhau. Thấy rõ điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản này sẽ giúp các Dn có sự điều chỉnh hợp lý trong công tác kế toán của mình.

 **1. Giống nhau**

 - Cả 2 văn bản này đều áp dụng cho các Dn vừa và nhỏ có:

 + Vố điều lệ nhỏ hơn 10 tỷ

 + Số lượng lao động bình quân trong năm nhỏ hơn 300 người

 - Những TK cơ bản trong hệ thống TK

 **2. Điểm khác nhau**

 **a. Về chứng từ và sổ kế toán**

 - Thông tư 133: DN được xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định

 - Quyết định 48: DN xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán theo mẫu quy định trong quyết định 48

 **b. Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản**

 Thông tư 133:

 - Chỉ quy định nguyên tắc kế toán

 - Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. DN tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp với quy trình luân chuyển chứng từ, quan hệ đối ứng kế toán và nội dung kế cấu của TK.

 - DN tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ khi đáp ứng được các tiêu chí mà văn bản này quy định;

 - Dn được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra;

 - DN được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ DN là nợ phải trả hoặc vốn đầu tư của chủ sở hữu;

 - DN được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn dài hạn theo truyền thống…

 Quyết định 48

 - Quy định chi tiết các bút toán định khoản

 - Ghi sổ theo đồng Việt Nam;

 - Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn hoặc Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ;

 - Quy định rõ biểu maauc BCTC và DN bắt buôc phải lập theo mẫu quy định.

 c. Hệ thống TK

|  |  |
| --- | --- |
| **Thông tư 133** | **Quyết định 48** |
| **Tài khoản loại 1** |
| Không có | TK 1113, 1123: Vàng bạc, kim khí quý, đá quý |
| TK 121: Chứng khoán Kinh doanhTK 1211: Cổ PhiếuTK 1212: Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu | TK 121: Đầu tư tài chính ngắn hạn |
| TK 128: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạnTK 1281: Tiền gửi có kỳ hạn1288: Đầu tư ngắn hạn khác | Không có |
| TK 136: Phải thu nội bộTK 1361: Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thộcTK 1368: Phải thu nội bộ khác | Không có |
| TK 138: Phải thu khácTK 1381: Tài sản thiếu chớ xử lýTK 1386: Cầm cố, thế chấp, ký cượcTK 1388: Phải thu khác | TK 138: Phải thu khácTK 1381: Tài sản thiếu chớ xử lý  TK 1388: Phải thu khác |
| Không có | TK 142: Chi phí trả trước ngắn hạn |
| TK 151: Hàng mua đang đi đường | Không có |
| Không có | TK 171: Giao dịch mua bán lại trái phiếu của chính phủ |
| **Tài khoản lại 2** |
| Không có | TK 221: Đầu tư tài chính dài hạn:2212: Vốn góp liên doanh2213: Đầu tư vào công ty liên kết2218: Đầu tư tài chính dài hạn khác |
| TK 229: Dự phòng tổn thất tài sảnTK 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán KDTK 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khácTK 2293: Dự phòng phải thu khó đòiTK 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | TK 159: Các khoản dự phòngTK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạnTK 1592: Dự phòng phải thu khó đòiTK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn khoTK 229: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn |
| TK 242: Chi phí trả trước | TK 242: Chi phí trả trước dài hạn |
| Không có | TK 244: Ký quỹ, ký cược dài hạn |
| **Tài khoản loại 3** |
| Không có | TK 311: Vay ngắn hạn |
| Không có | TK 315: Nợ dài hạn đến hạn trả |
| TK 336: Phải trả nội bộ | Không có |
| TK 341: Vay và nợ thuê tài chínhTK 3411: Các khoản đi vayTK 3412: Nợ thuê tài chính | TK 341: Vay, nợ dà hạnTK 3411: Vay dài hạn TK 3412: Nợ dài hạnTK 3413: Trái phiếu phát hành TK 34131: Mệnh giá trái phiếu TK 34132: Chiết khấu trái phiếu TK 3413: Phụ trội trái phiếuTK 3414: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn |
| TK 344: Nhận ký quỹ, ký cược  |
| Không có | TK 351: Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm |
| TK352: Dự phòng phải trảTK3521: Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóaTK 3522: Dự phòng bảo hành công trình xây dựngTK 3523: Dự phòng tái cơ cấu DNTK 3524: Dự phòng phải trả khác | TK 352: Dự phòng phải trả |